TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST
Ngày: 01-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chương,

Bà Nguyễn Thị Lương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/QĐST-DS ngày 24/10/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn M; địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, tòa nhà Ree số 9 Đ, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Trần Thị Thùy L sinh năm 1984;

Ông Ngô Văn P sinh năm 1981;

Ông Trần Thành Đ sinh năm 1996;

Cùng địa chỉ: Số 16A/119 T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng (Văn bản ủy quyền ngày 25/5/2019); đều vắng mặt (cùng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị T sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn M (sau đây viết tắt là Công ty) đều trình bày:

Giữa Công ty với chị Lê Thị T có quan hệ bởi hợp đồng tín dụng. Tại Hợp đồng tín dụng số 20160106-500000-5547 ngày 04 tháng 01 năm 2015 (Sau đây viết tắt là Hợp đồng số 47) số tiền Công ty đã giải ngân cho chị T vay là 29.000.000 đồng mục đích để tiêu dùng tín chấp, lãi suất theo thỏa thuận.

Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, chị T mới T toán được một phần nợ gốc và lãi, đến ngày 15/02/2019 chị T không trả nữa, để nợ quá hạn, mặc dù đã nhiều lần Công ty yêu cầu trả nhưng bên vay đều không thực hiện được.

Công ty khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu bị đơn trả nợ Công ty tổng số tiền tính đến ngày 01 tháng 11 năm 2019 là 16.645.000 đồng (trong đó nợ gốc là 13.563.130 đồng, nợ lãi là 3.081.870 đồng).

Bà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 26, 35, 40, 85 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); các điều 117, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự (BLDS); các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ Công ty tổng số tiền tính đến ngày 01 tháng 11 năm 2019 là 16.645.000 đồng; bị đơn phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số nợ trên; bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Chị T đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T.

[2] Về yêu cầu đòi nợ gốc, lãi của nguyên đơn: Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, khẳng định được giữa Ngân hàng với chị T có quan hệ tín dụng bởi Hợp đồng số 47. Ngày 15 tháng 02 năm 2019 chị T đã vi phạm nghĩa vụ T toán nên khoản nợ đã bị quá hạn. Việc Công ty khởi kiện yêu cầu chị T phải T toán tổng số tiền còn nợ đến ngày xét xử sơ

thẩm là 16.645.000 đồng; trong đó nợ gốc là 13.563.130 đồng, nợ lãi là 3.081.870 đồng là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với các điều 117, 463 và 466 của BLDS.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá nghạch với mức thu là 832.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 91, 92, 97, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Lê Thị T phải trả nợ cho Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn M theo Hợp đồng tín dụng số 20160106-500000-5547 ngày 04 tháng 01 năm 2015 tính đến ngày 01/11/2019 với tổng số tiền là 16.645.000 đồng.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục T toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải nộp 832.000 đồng. Trả lại Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn M số tiền 700.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, biên lai số 0002964 ngày 03 tháng 9 năm 2019.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Người đại diện cho đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS h. Thuỷ Nguyên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Dũng